TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P; nơi cư trú: Thôn DT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T; nơi cư trú: Thôn DT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28-02-2019 tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời gian đầu và có 01 con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ tháng 02/2021 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn T có 01 con chung Bùi Minh K, sinh ngày 08-6-2019. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh T .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, anh Bùi Văn T xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, mặt khác do anh chơi bời, nợ nần nên từ tháng 02/2021 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị P có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 08-6-2019. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị P nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị P .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Giao con chung Bùi Minh K, sinh ngày 08-6-2019 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn DT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-02-2019, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị Nguyễn Thị P xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T không đồng ý ly hôn với chị P . Qua xác minh thì thấy, vợ chồng chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T có mâu thuẫn, từ tháng 02 năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm T , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Nguyễn Thị P xin ly hôn anh Bùi Văn T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 08-6-2019. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị P và anh T cùng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị P có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu Bùi Minh K còn nhỏ đang ở với chị P . Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp yêu cầu của anh chị, giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị P xin tự giải quyết với anh Bùi Văn T nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 08-6-2019 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009229 ngày 16 tháng 01 năm 2024. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền